

Số: 250 /TB-BVYHCT

Bắc Giang, ngày 27 tháng 08 năm 2021

**BẢN CÔNG BỐ**

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe**

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Bắc Giang

Tên cơ sở công bố: Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bắc Giang

Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh 0179/BG-GPHĐ, do Sở Y tế tỉnh Bắc Giang cấp ngày 26/12/2018.

Địa chỉ: Số 02 đường Nguyễn Danh Vọng, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Ths.Bs. Nguyễn Văn Toàn

Điện thoại liên hệ: 0204.3852.377

Email: [bvyhct@bacgiang.gov.vn](mailto:bvyhct@bacgiang.gov.vn)

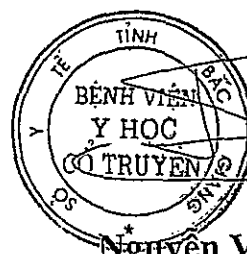
Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, cơ sở công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành: Dược học cổ truyền, Y học cổ truyền.
2. Trình độ đào tạo thực hành: Chuyên khoa I, Đại học, Cao đẳng, Trung cấp
3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa: 700 người (chi tiết kèm theo phụ lục 01).
4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu: 68 người (chi tiết kèm theo phụ lục 02).
5. Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh tại mỗi khoa phòng: 05 khoa (chi tiết kèm theo phụ lục 02).
6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành: 05 khoa (chi tiết kèm theo phụ lục 03).

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị quý cơ quan xem xét, đăng tải thông tin theo quy định./.

**GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Toàn

**Phụ lục 1**  
**THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN TỈNH BẮC GIANG**  
**(Tại 1 thời điểm)**

| TT | Mã đào tạo | Trình độ      | Ngành/ chuyên ngành | Môn học/ học phần/ Tín chỉ                                                       | Nội dung                                               | Tên khoa/ đơn vị thực hành | Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị thực hành | Số lượng người học TH tối đa theo NGD | Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu | Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng | Số lượng đang học | Số lượng có thể nhận thêm |
|----|------------|---------------|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------|------------------------------------------|----------------------------------------------------|-------------------|---------------------------|
| 1  | 7720115    | Chuyên khoa I | Y học cổ truyền     | Thực tập lâm sàng các phương pháp điều trị không dùng thuốc; Thực tập tốt nghiệp | Châm cứu, xoa bóp, bấm huyệt                           | Châm cứu dưỡng sinh        | 3                                                 | 15                                    | 10                                       | 30                                                 | 0                 | 15                        |
|    |            |               |                     |                                                                                  |                                                        | Phục hồi chức năng         | 1                                                 | 5                                     | 5                                        | 15                                                 | 0                 | 5                         |
|    |            |               |                     | Thực tập lâm sàng Bệnh học YHCT I; Thực tập tốt nghiệp                           | Khám, chữa bệnh bằng phương pháp YHCT kết hợp với YHHĐ | Nội tổng hợp               | 3                                                 | 15                                    | 10                                       | 30                                                 | 0                 | 15                        |
|    |            |               |                     | Thực tập lâm sàng Bệnh học YHCT II; Thực tập tốt nghiệp                          | Khám, chữa bệnh bằng phương pháp YHCT kết hợp với YHHĐ | Ngoại tổng hợp             | 4                                                 | 20                                    | 10                                       | 30                                                 | 0                 | 20                        |

| TT | Mã đào tạo | Trình độ | Ngành/chuyên ngành | Môn học/học phần/Tín chỉ                                                         | Nội dung                                               | Tên khoa/đơn vị thực hành | Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị thực hành | Số lượng người học TH tối đa theo NGD | Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu | Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng | Số lượng đang học | Số lượng có thể nhận thêm |
|----|------------|----------|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|---------------------------|--------------------------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------|---------------------------|
| 2  | 7720102    | Bác sĩ   | Y học cổ truyền    | Thực tập lâm sàng các phương pháp điều trị không dùng thuốc; Thực tập tốt nghiệp | Châm cứu, xoa bóp, bấm huyệt                           | Châm cứu dưỡng sinh       | 4                                                | 40                                    | 15                                      | 45                                                | 0                 | 40                        |
|    |            |          |                    |                                                                                  |                                                        | Phục hồi chức năng        | 2                                                | 20                                    | 10                                      | 30                                                | 0                 | 20                        |
|    |            |          |                    | Thực tập lâm sàng Bệnh học YHCT I; Thực tập tốt nghiệp                           | Khám, chữa bệnh bằng phương pháp YHCT kết hợp với YHHĐ | Nội tổng hợp              | 3                                                | 30                                    | 15                                      | 45                                                | 0                 | 30                        |
|    |            |          |                    | Thực tập lâm sàng Bệnh học YHCT II; Thực tập tốt nghiệp                          | Khám, chữa bệnh bằng phương pháp YHCT kết hợp với YHHĐ | Ngoại tổng hợp            | 2                                                | 20                                    | 15                                      | 45                                                | 0                 | 20                        |

| TT | Mã đào tạo | Trình độ | Ngành/chuyên ngành        | Môn học/học phần/Tín chỉ                                                | Nội dung                              | Tên khoa/đơn vị thực hành | Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị thực hành | Số lượng người học TH tối đa theo NGD | Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu | Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng | Số lượng đang học | Số lượng có thể nhận thêm |
|----|------------|----------|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------|--------------------------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------|---------------------------|
| 3  | 7720301    | Đại học  | Điều dưỡng, kỹ thuật viên | Thực tập lâm sàng ngành điều dưỡng, Y học cổ truyền, phục hồi chức năng | Thực hành lâm sàng Y học cổ truyền    | Châm cứu dưỡng sinh       | 4                                                | 40                                    |                                         |                                                   | 0                 | 40                        |
|    |            |          |                           |                                                                         | Thực hành lâm sàng Phục hồi chức năng | Phục hồi chức năng        | 4                                                | 40                                    |                                         |                                                   | 0                 | 40                        |
|    |            |          |                           |                                                                         | Thực hành lâm sàng chăm sóc nội       | Nội tổng hợp              | 5                                                | 50                                    |                                         |                                                   | 0                 | 50                        |
|    |            |          |                           |                                                                         | Thực hành lâm sàng chăm sóc ngoại     | Ngoại tổng hợp            | 4                                                | 40                                    |                                         |                                                   | 0                 | 40                        |

| TT | Mã đào tạo | Trình độ | Ngành/chuyên ngành        | Môn học/học phần/Tín chỉ                                                | Nội dung                              | Tên khoa/đơn vị thực hành | Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị thực hành | Số lượng người học TH tối đa theo NGD | Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu | Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng | Số lượng đang học | Số lượng có thể nhận thêm |
|----|------------|----------|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------|--------------------------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------|---------------------------|
| 4  | 7720102    | Cao đẳng | Điều dưỡng, kỹ thuật viên | Thực tập lâm sàng ngành điều dưỡng, Y học cổ truyền, phục hồi chức năng | Thực hành lâm sàng Y học cổ truyền    | Châm cứu dưỡng sinh       | 3                                                | 30                                    |                                         |                                                   | 0                 | 30                        |
|    |            |          |                           |                                                                         | Thực hành lâm sàng Phục hồi chức năng | Phục hồi chức năng        | 5                                                | 50                                    |                                         |                                                   | 0                 | 50                        |
|    |            |          |                           |                                                                         | Thực hành lâm sàng chăm sóc nội       | Nội tổng hợp              | 3                                                | 30                                    |                                         |                                                   | 0                 | 30                        |
|    |            |          |                           |                                                                         | Thực hành lâm sàng chăm sóc ngoại     | Ngoại tổng hợp            | 3                                                | 30                                    |                                         |                                                   | 0                 | 30                        |

NH

I VI

IQ

RUY

\*

| TT               | Mã đào tạo | Trình độ  | Ngành/chuyên ngành | Môn học/học phần/Tín chỉ                                                         | Nội dung                                               | Tên khoa/đơn vị thực hành | Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị thực hành | Số lượng người học TH tối đa theo NGD | Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu | Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng | Số lượng đang học | Số lượng có thể nhận thêm |
|------------------|------------|-----------|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|---------------------------|--------------------------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------|---------------------------|
| 5                | 5720102    | Trung cấp | Y học cổ truyền    | Thực tập lâm sàng các phương pháp điều trị không dùng thuốc; Thực tập tốt nghiệp | Châm cứu, xoa bóp, bấm huyệt                           | Phục hồi chức năng        | 2                                                | 30                                    | 20                                      | 60                                                | 0                 | 30                        |
|                  |            |           |                    |                                                                                  |                                                        | Châm cứu dưỡng sinh       | 2                                                | 30                                    | 20                                      | 60                                                | 0                 | 30                        |
|                  |            |           |                    |                                                                                  | Khám, chữa bệnh bằng phương pháp YHCT kết hợp với YHHĐ | Nội tổng hợp              | 2                                                | 30                                    | 20                                      | 60                                                | 0                 | 30                        |
|                  |            |           |                    |                                                                                  | Khám, chữa bệnh bằng phương pháp YHCT kết hợp với YHHĐ | Ngoại tổng hợp            | 2                                                | 30                                    | 20                                      | 60                                                | 0                 | 30                        |
| 6                | 6720201    | Cao đẳng  | Dược               | Thực tập tốt nghiệp                                                              | Dược học cổ truyền                                     | Dược                      | 4                                                | 60                                    |                                         |                                                   | 0                 | 60                        |
| 7                | 5720102    | Trung cấp | Dược               | Thực tập tốt nghiệp                                                              | Dược học cổ truyền                                     | Dược                      | 3                                                | 45                                    |                                         |                                                   | 0                 | 45                        |
| <b>Tổng cộng</b> |            |           |                    |                                                                                  |                                                        |                           | <b>68</b>                                        | <b>700</b>                            | <b>170</b>                              | <b>510</b>                                        | <b>0</b>          | <b>700</b>                |

**Phụ lục 2**  
**DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**  
**TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG/GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**

| TT | Họ và tên          | Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú... | Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo | Chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề          | Số năm kinh nghiệm KCB | Môn học/ học phần/ tín chỉ              | Nội dung môn học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành | Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành |
|----|--------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------|---------------------|----------------------------|------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------------------|
| 1  | Trịnh Thị Thịnh    | CKI                                     | Dược                                | 1120/BG-CCHN        | Nhà thuốc, quây thuốc      | 6                      | Thực tập tốt nghiệp                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô tả chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, hoạt động và chức trách, nhiệm vụ của người dược sỹ tại khoa Dược - BV YHCT.</li> <li>- Mô tả công tác cung ứng thuốc của khoa Dược BV YHCT.</li> <li>- Liệt kê được danh mục thuốc, một số dược liệu tại khoa Dược - BV YHCT.</li> <li>- Thực hành cấp phát thuốc, sắp xếp, bản quản thuốc, dược liệu tại khoa Dược.</li> </ul> | Khoa Dược                              |                                           |
| 2  | Nguyễn Thị Lý      | CKI                                     | Dược                                | 1314/BG-CCHN        | Nhà thuốc, quây thuốc      | 5                      |                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                        |                                           |
| 3  | Trần Mạnh Hùng     | Đại học                                 | Dược                                | 367/ĐB-CCHN         | Nhà thuốc, quây thuốc      | 5                      |                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                        |                                           |
| 4  | Trương Thị Hải Yến | Cao đẳng                                | Dược                                | 802/BG-CCHN         | Nhà thuốc, quây thuốc      | 8                      |                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                        |                                           |
| 5  | Nguyễn Thùy Dương  | Cao đẳng                                | Dược                                | 779/CCHN-D-SYT-BG   | Nhà thuốc, quây thuốc      | 3                      |                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                        |                                           |
| 6  | Lê Đình Sơn        | Cao đẳng                                | Dược                                | 780/CCHN-D-SYT-BG   | Nhà thuốc, quây thuốc      | 3                      |                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                        |                                           |
| 7  | Trần Thị Thu Trang | Cao đẳng                                | Dược                                | 1191/BG-CCHN        | Nhà thuốc, quây thuốc      | 8                      | Thực tập lâm sàng Bệnh học YHCT I; Thực | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khám, phát hiện triệu chứng và làm bệnh án các bệnh thông thường theo Y học cổ truyền kết hợp Y học hiện đại;</li> <li>- Khám chữa bệnh điều trị nội khoa</li> </ul>                                                                                                                                                                                                        | Khoa Nội                               | 45                                        |
| 8  | Nguyễn Văn Toàn    | Ths. Bs                                 | YHCT                                | 001701/BG-CCHN      | KB, CB bằng YHCT, nội khoa | 8                      |                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                        |                                           |
| 9  | Trần Minh Đức      | Bs CKI                                  | YHCT                                | 001751/BG-CCHN      | KB, CB bằng YHCT, nội khoa | 8                      |                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                        |                                           |
| 10 | Trịnh Thị Hạnh     | Bs CKI                                  | YHCT                                | 001762/BG-CCHN      | KB, CB bằng YHCT, nội khoa | 8                      |                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                        |                                           |

|    |                      |         |               |                 |                                                                          |   |                      |                                                                                                                                                                                                               |                           |    |
|----|----------------------|---------|---------------|-----------------|--------------------------------------------------------------------------|---|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|----|
| 11 | Đinh Thị Kim Hà      | Bs CKI  | YHCT          | 001753/BG-CCHN  | KB, CB<br>bằng YHCT,<br>nội khoa                                         | 7 | tập tốt<br>nghịệp    | - Phụ giúp thực hiện các<br>kỹ thuật trong khám, chữa<br>bệnh bằng y học cổ truyền<br>kết hợp Y học hiện đại.                                                                                                 | tổng<br>hợp               |    |
| 12 | Nguyễn Thị Anh       | Bác sĩ  | YHCT          | 001734/BG-CCHN  | KB, CB<br>bằng YHCT                                                      | 3 |                      |                                                                                                                                                                                                               |                           |    |
| 13 | Phạm Mai Diệp        | Bác sĩ  | YHCT          | 005157/BG-CCHN  | KB, CB<br>bằng YHCT,<br>nội khoa                                         | 5 |                      |                                                                                                                                                                                                               |                           |    |
| 14 | Nguyễn Văn Hậu       | Bác sĩ  | YHCT          | 007562/BG-CCHN  | KB, CB<br>bằng YHCT                                                      | 4 |                      |                                                                                                                                                                                                               |                           |    |
| 15 | Nguyễn Thị Nhi       | Bác sĩ  | YHCT          | 007926/BG-CCHN  | KB, CB<br>bằng YHCT                                                      | 3 |                      |                                                                                                                                                                                                               |                           |    |
| 16 | Trần Thị Hợi         | CKI. ĐD | Điều<br>dưỡng | 001718/BG-CCHN  | Thực hiện các<br>kỹ thuật của<br>Điều dưỡng và<br>chăm sóc<br>Người bệnh | 8 | Điều<br>dưỡng<br>Nội | - Điều dưỡng Nội nhận<br>định đánh giá, xây dựng kế<br>hoạch chăm sóc người<br>bệnh, thực hiện thủ thuật,<br>kỹ thuật điều dưỡng.<br>- Tư vấn, giáo dục sức<br>khỏe cho người bệnh và<br>gia đình người bệnh. |                           |    |
| 17 | Phan Thị Việt Anh    | CNDD    | Điều<br>dưỡng | 001710/BG-CCHN  |                                                                          | 8 |                      |                                                                                                                                                                                                               |                           |    |
| 18 | Nguyễn Thị Thu Trang | Thạc sỹ | Điều<br>dưỡng | 001716/BG-CCHN  |                                                                          | 8 |                      |                                                                                                                                                                                                               |                           |    |
| 19 | Nguyễn Thị Tuyết     | ĐD ĐH   | CNDD          | 005595/BG-CCHN  |                                                                          | 8 |                      |                                                                                                                                                                                                               |                           |    |
| 20 | Phạm Thị Mai         | ĐD ĐH   | CNDD          | 0 01743/BG-CCHN |                                                                          | 8 |                      |                                                                                                                                                                                                               |                           |    |
| 21 | Thân Thị Hà          | ĐD ĐH   | CNDD          | 001712/BG-CCHN  |                                                                          | 8 |                      |                                                                                                                                                                                                               |                           |    |
| 22 | Đặng Thị Thắm        | ĐD ĐH   | CNDD          | 001708/BG-CCHN  |                                                                          | 8 |                      |                                                                                                                                                                                                               |                           |    |
| 23 | Đỗ Thị Hồng          | ĐD ĐH   | CNDD          | 001739/BG-CCHN  |                                                                          | 8 |                      |                                                                                                                                                                                                               |                           |    |
| 24 | Trần Quang Thi       | BS CKI  | YHCT          | 001704/BG-CCHN  | KB, CB<br>bằng YHCT,<br>ngoại khoa                                       | 8 | Thực tập<br>lâm sàng | - Khám, phát hiện triệu<br>chứng và lâm bệnh án các<br>bệnh thông thường theo Y<br>học cổ truyền kết hợp Y<br>học hiện đại;                                                                                   | Khoa<br>Ngoại<br>tổng hợp | 45 |
| 25 | Nguyễn Văn Tiến      | BS CKI  | YHCT          | 001756/BG-CCHN  | KB, CB<br>bằng YHCT,<br>ngoại khoa                                       | 8 |                      |                                                                                                                                                                                                               |                           |    |

|    |                      |        |      |                  |                                                                         |   |                                                              |                                                                                                                                                              |  |  |
|----|----------------------|--------|------|------------------|-------------------------------------------------------------------------|---|--------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|
| 26 | Đặng Thị Vân Anh     | BS CKI | YHCT | 005099/BG-CCHN   | KB, CB<br>bằng YHCT,<br>VLTL và<br>PHCN                                 | 5 | Bệnh học<br>YHCT<br>I; Thực<br>tập tốt<br>nghề nghiệp        | - Khám chữa bệnh điều trị<br>ngoại khoa<br>- Phụ giúp thực hiện các<br>kỹ thuật trong khám, chữa<br>bệnh bằng y học cổ truyền<br>kết hợp Y học hiện đại.     |  |  |
| 27 | Ngô Lan Anh          | BS CKI | YHCT | 005098/BG-CCHN   | KB, CB<br>bằng YHCT                                                     | 5 |                                                              |                                                                                                                                                              |  |  |
| 28 | Vũ Trí Cao           | Bác sĩ | YHCT | 001706/BG-CCHN   | KB, CB<br>bằng YHCT                                                     | 8 |                                                              |                                                                                                                                                              |  |  |
| 29 | Trần Thị Lam         | Bác sĩ | YHCT | 007465/BG-CCHN   | Khám bệnh,<br>chữa bệnh<br>bằng YHCT                                    | 5 |                                                              |                                                                                                                                                              |  |  |
| 30 | Đàm Đức Kha          | Bác sĩ | YHCT | 007842/BG-CCHN   | KB, CB<br>bằng YHCT                                                     | 3 |                                                              |                                                                                                                                                              |  |  |
| 31 | Nguyễn Thị Liên      | BS CKI | YHCT | 006038/BG-CCHN   | KB, CB<br>bằng YHCT                                                     | 5 |                                                              |                                                                                                                                                              |  |  |
| 32 | Nguyễn Thị Thu Hương | ĐD ĐH  | CNĐĐ | 0.001715/BG-CCHN | Thực hiện các<br>kỹ thuật của<br>Điều dưỡng và<br>chăm sóc bệnh<br>nhân | 8 | Điều<br>dưỡng<br>Ngoại                                       | Điều dưỡng Ngoại nhận<br>định, đánh giá, xây dựng kế<br>hoạch chăm sóc người bệnh,<br>chăm sóc vết thương, thực<br>hành kỹ thuật thủ thuật của<br>điều dưỡng |  |  |
| 33 | Nguyễn Thị Hiếu      | ĐD ĐH  | CNĐĐ | 1001713/BG-CCHN  |                                                                         | 8 |                                                              |                                                                                                                                                              |  |  |
| 34 | Đồng Thị Soan        | ĐD ĐH  | CNĐĐ | 1001732/bg-cchn  |                                                                         | 8 |                                                              |                                                                                                                                                              |  |  |
| 35 | Ong Thị Thu Yến      | ĐD ĐH  | CNĐĐ | 1 001736/bg-cchn |                                                                         |   |                                                              |                                                                                                                                                              |  |  |
| 36 | Thân Thị Duyên       | ĐD ĐH  | CNĐĐ | 1 001735/bg-cchn |                                                                         |   |                                                              |                                                                                                                                                              |  |  |
| 37 | Nguyễn Thu Hương     | ĐD ĐH  | CNĐĐ | 1 001740/bg-cchn |                                                                         |   |                                                              |                                                                                                                                                              |  |  |
| 38 | Ngô Thị Tuyền        | ĐD ĐH  | CNĐĐ | 0.005093/bg-cchn |                                                                         |   |                                                              |                                                                                                                                                              |  |  |
| 39 | Nguyễn Văn Dũng      | BS CKI | YHCT | 002983/BG-CCHN   | KB, CB<br>bằng YHCT                                                     | 7 | Thực<br>tập lâm<br>sàng<br>các<br>phương<br>pháp<br>điều trị | - Chẩn đoán và điều trị<br>các mặt bệnh về Y học cổ<br>truyền                                                                                                |  |  |
| 40 | Nguyễn Thị Hồng Oanh | BS CKI | YHCT | 001754/BG-CCHN   | KB, CB<br>bằng YHCT,<br>nội khoa                                        | 8 |                                                              |                                                                                                                                                              |  |  |
| 41 | Nguyễn Thị Tuyết     | BS CKI | YHCT | 006037/BG-CCHN   | KB, CB<br>bằng YHCT                                                     | 8 |                                                              |                                                                                                                                                              |  |  |

|    |                       |        |      |                  |                                                                         |   |                                                                                         |                                                                                                                                                            |                                     |    |
|----|-----------------------|--------|------|------------------|-------------------------------------------------------------------------|---|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|----|
| 42 | Thân Thị Phúc         | Bác sĩ | YHCT | 005488/BG-CCHN   | KB, CB<br>bằng YHCT                                                     | 5 | không<br>dùng<br>thuốc;<br>Thực<br>tập tốt<br>nghề nghiệp                               |                                                                                                                                                            | đưỡng<br>sinh                       |    |
| 43 | Phạm Trường Ba        | Bác sĩ | YHCT | 006673/BG-CCHN   | KB, CB<br>bằng YHCT                                                     | 5 |                                                                                         |                                                                                                                                                            |                                     |    |
| 44 | Trần Thanh Thanh      | Bác sĩ | YHCT | 007717/BG-CCHN   | KB, CB<br>bằng YHCT                                                     | 5 |                                                                                         |                                                                                                                                                            |                                     |    |
| 45 | Nguyễn Thị Bích Hằng  | Bác sĩ | YHCT | 007946/BG-CCHN   | KB, CB<br>bằng YHCT                                                     | 3 |                                                                                         |                                                                                                                                                            |                                     |    |
| 46 | Nguyễn Thị Thu Hà     | Bác sĩ | YHCT | 005916/BG-CCHN   | KB, CB<br>bằng YHCT                                                     | 5 |                                                                                         |                                                                                                                                                            |                                     |    |
| 47 | Nguyễn Thị Kim Phụng  | Bác sĩ | YHCT | 007279/BG-CCHN   | KB, CB<br>bằng YHCT                                                     | 5 |                                                                                         |                                                                                                                                                            |                                     |    |
| 48 | Hoàng Thị Thắm        | ĐD ĐH  | CNĐD | 001720/BG-CCHN   | Thực hiện các<br>kỹ thuật của<br>Điều dưỡng và<br>chăm sóc bệnh<br>nhân | 8 | Điều<br>dưỡng                                                                           | Điều dưỡng nhận định, đánh<br>giá, xây dựng kế hoạch chăm<br>sóc người bệnh khoa chăm<br>cứu dưỡng sinh, thực hành<br>kỹ thuật thủ thuật của điều<br>dưỡng |                                     |    |
| 49 | Nguyễn Thị Thuý       | ĐD ĐH  | CNĐD | 001731/BG-CCHN   |                                                                         | 8 |                                                                                         |                                                                                                                                                            |                                     |    |
| 50 | Nguyễn Thị Minh Phụng | ĐD ĐH  | CNĐD | 1 001719/BG-CCHN |                                                                         | 8 |                                                                                         |                                                                                                                                                            |                                     |    |
| 51 | Nguyễn Thị Lan Hương  | ĐD ĐH  | CNĐD | 1001766/BG-CCHN  |                                                                         | 8 |                                                                                         |                                                                                                                                                            |                                     |    |
| 52 | Lê Thị Ngọc Mai       | ĐD ĐH  | CNĐD | 1001737/BG-CCHN  |                                                                         | 8 |                                                                                         |                                                                                                                                                            |                                     |    |
| 53 | Dương Thị Lan         | ĐD ĐH  | CNĐD | 1001714/BG-CCHN  |                                                                         | 8 |                                                                                         |                                                                                                                                                            |                                     |    |
| 54 | Trần Thị Thảo         | ĐD ĐH  | CNĐD | 1001738/BG-CCHN  |                                                                         | 8 |                                                                                         |                                                                                                                                                            |                                     |    |
| 55 | Vũ Văn Cương          | BS CKI | YHCT | 001750/BG-CCHN   | KB, CB<br>bằng YHCT,<br>PHCN                                            | 8 | Thực<br>tập lâm<br>sàng<br>các<br>phương<br>pháp<br>điều trị<br>không<br>dùng<br>thuốc; | - Chẩn đoán điều trị các<br>bệnh về y học cổ truyền,<br>phục hồi chức năng.                                                                                | Khoa<br>Phục<br>hồi<br>chức<br>năng | 35 |
| 56 | Trần Cừ               | BS CKI | YHCT | 005156/BG-CCHN   | KB, CB<br>bằng YHCT,<br>VLTL và<br>SPHCN                                | 5 |                                                                                         |                                                                                                                                                            |                                     |    |
| 57 | Nguyễn Thanh Bình     | Bác sĩ | YHCT | 005100/BG-CCHN   | KB, CB<br>bằng YHCT,<br>PHCN                                            | 5 |                                                                                         |                                                                                                                                                            |                                     |    |

|    |                       |        |             |                  |                                                                         |   |                           |                                                                                                                                                      |  |
|----|-----------------------|--------|-------------|------------------|-------------------------------------------------------------------------|---|---------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 58 | Đỗ Thị Bích Phương    | Bác sĩ | YHCT        | 006097/BG-CCHN   | KB, CB<br>bằng YHCT                                                     | 5 | Thực<br>tập tốt<br>nghịệp |                                                                                                                                                      |  |
| 59 | Vũ Thị Tuyết Nhung    | Bác sĩ | YHCT        | 005186/BG-CCHN   | KB, CB<br>bằng YHCT,<br>PHCN                                            | 5 |                           |                                                                                                                                                      |  |
| 60 | Nguyễn Thị Hồng Trang | ĐD ĐH  | CNDD        | 1001717/BG-CCHN  | Thực hiện các<br>kỹ thuật của<br>Điều dưỡng và<br>chăm sóc bệnh<br>nhân | 8 | Điều<br>dưỡng             | Điều dưỡng nhận định, đánh<br>giá, xây dựng kế hoạch chăm<br>sóc người bệnh phục hồi<br>chức năng, thực hành kỹ<br>thuật thủ thuật của điều<br>dưỡng |  |
| 61 | Phan Thị Lan          | ĐD ĐH  | CNDD        | 1001723/BG-CCHN  |                                                                         | 8 |                           |                                                                                                                                                      |  |
| 62 | Nguyễn Thị Tuyết      | KTV CĐ | KTV<br>PHCN | 0.005094/BG-CCHN |                                                                         | 5 |                           |                                                                                                                                                      |  |
| 63 | Dương Danh Chinh      | KTV CĐ | KTV<br>PHCN | 006425/BG-CCHN   |                                                                         | 8 |                           |                                                                                                                                                      |  |
| 64 | Thân Trọng Tuấn       | KTV CĐ | KTV<br>PHCN | 0005105/BG-CCHN  |                                                                         | 8 |                           |                                                                                                                                                      |  |
| 65 | Nguyễn Thị Khánh      | KTV CĐ | KTV<br>PHCN | 0.005096/BG-CCHN |                                                                         | 5 |                           |                                                                                                                                                      |  |
| 66 | Nguyễn Thị Hồng Vân   | KTV CĐ | KTV<br>PHCN | 0.005095/bg-cchn |                                                                         | 5 |                           |                                                                                                                                                      |  |
| 67 | Đào Thị Thắm          | ĐD ĐH  | CNDD        | 000894/BG-CCHN   |                                                                         | 8 |                           |                                                                                                                                                      |  |
| 68 | Lê Thị Huyền          | ĐD ĐH  | CNDD        | 001173/BG-CCHN   |                                                                         | 8 |                           |                                                                                                                                                      |  |

**Phụ lục 3**  
**DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ**  
**TẠI KHOA/ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIÁNG DẠY THỰC HÀNH**  
**Cao đẳng, Trung cấp/Dược học cổ truyền**

**1. Khoa Dược**

| <b>TT</b>                          | <b>Tên trang thiết bị</b>                  | <b>Số lượng</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------------------------------|--------------------------------------------|-----------------|----------------|
| 1.                                 | Máy nghiền mịn dược liệu                   | 01              |                |
| 2.                                 | Tủ sấy thuốc GXZ-GF101-1M                  | 01              |                |
| 3.                                 | Máy dập viên 1 chày                        | 01              |                |
| 4.                                 | Bộ nồi hơi sắc thuốc                       | 01              |                |
| 5.                                 | Lò hơi đốt than công suất 200kg/g          | 01              |                |
| 6.                                 | Máy sắc thuốc đóng thuốc 2 bếp             | 01              |                |
| 7.                                 | Máy chiết xuất thuốc tự động               | 01              |                |
| 8.                                 | Máy hoàn viên mềm                          | 01              |                |
| 9.                                 | Tủ sắc thuốc 30 âm INOX                    | 01              |                |
| 10.                                | Tủ sấy INOX 1,6 M3                         | 01              |                |
| 11.                                | Máy thái đồ trọng Việt Nam                 | 01              |                |
| 12.                                | Máy thái thuốc                             | 01              |                |
| 13.                                | Máy đóng thuốc tự động                     | 01              |                |
| 14.                                | Tủ an toàn sinh học cấp 1                  | 01              |                |
| 15.                                | Máy đóng gói thuốc sắc Hàn Quốc Tower II   | 01              |                |
| 16.                                | Hệ thống đun thuốc INOX dàn 20 âm          | 01              |                |
| 17.                                | Nồi đun nên                                | 01              |                |
| 18.                                | Bộ lò đun nước bằng hơi Inox VN 1,25m khối | 01              |                |
| 19.                                | Máy nghiền mịn                             | 01              |                |
| 20.                                | Máy nghiền thô                             | 01              |                |
| 21.                                | Lò hơi 150KG đốt dầu DO                    | 01              |                |
| <b>Tổng cộng: 21 loại thiết bị</b> |                                            |                 |                |

**DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ**  
**TẠI KHOA/ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**  
**CKI, Bác sỹ, Đại học, Cao đẳng, Trung cấp/Y học cổ truyền**

**1. Khoa Nội tổng hợp**

| <b>T<br/>T</b>                     | <b>Tên trang thiết bị</b>                                     | <b>Số lượng</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------------------------------|---------------------------------------------------------------|-----------------|----------------|
| 1.                                 | Máy kéo dẫn cột sống PC 400 D                                 | 01              |                |
| 2.                                 | Máy điện tim 3 cân CARDIOFAX Model ECG - 1150                 | 01              |                |
| 3.                                 | Máy Holter huyết áp                                           | 01              |                |
| 4.                                 | Giường xông hơi lưng                                          | 01              |                |
| 5.                                 | Máy nén ép khi trị liệu DL2003V3 - Daesung Maref (áp lực hơi) | 01              |                |
| 6.                                 | Máy xoa bóp áp lực hơi                                        | 01              |                |
| 7.                                 | Máy Laser điều trị nội mạch                                   | 01              |                |
| <b>Tổng cộng: 07 loại thiết bị</b> |                                                               |                 |                |

**2. Khoa Ngoại tổng hợp**

| <b>TT</b>                          | <b>Tên trang thiết bị</b>                                    | <b>Số lượng</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-----------------|----------------|
| 1.                                 | Máy xoa bóp áp lực hơi                                       | 01              |                |
| 2.                                 | Giường mổ vạn năng                                           | 01              |                |
| 3.                                 | Máy Plasma 2MTC                                              | 01              |                |
| 4.                                 | Máy Laze nội mạch KB351 -1B                                  | 01              |                |
| 5.                                 | Máy phẫu thuật trĩ LG 2000B                                  | 01              |                |
| 6.                                 | Hệ thống siêu âm Doppler thất động mạch và khau AO NPF BIOSS | 01              |                |
| 7.                                 | Máy điều trị bằng áp lực hơi UAM-9100 Maxstar                | 01              |                |
| 8.                                 | Máy Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số                    | 01              |                |
| 9.                                 | Giường xông hơi lưng                                         | 01              |                |
| 10.                                | Máy điện xung trung tần Đông Á                               | 02              |                |
| <b>Tổng cộng: 10 loại thiết bị</b> |                                                              |                 |                |

**3. Khoa Châm cứu dưỡng sinh**

| <b>TT</b>                          | <b>Tên trang thiết bị</b>                | <b>Số lượng</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------------------------------|------------------------------------------|-----------------|----------------|
| 1.                                 | Máy laser nội mạch phát hai đầu MINI-630 | 01              |                |
| 2.                                 | Máy điều trị áp lực hơi                  | 01              |                |
| 3.                                 | Giường xông hơi lưng                     | 02              |                |
| 4.                                 | Máy siêu âm điều trị đa tần Pulson 100   | 01              |                |
| 5.                                 | Máy xông hơi cục bộ                      | 01              |                |
| 6.                                 | Máy điện xung trung tần Đông Á           | 02              |                |
| <b>Tổng cộng: 06 loại thiết bị</b> |                                          |                 |                |

#### 4. Khoa Phục hồi chức năng

| TT                                 | Tên trang thiết bị                       | Số lượng | Ghi chú |
|------------------------------------|------------------------------------------|----------|---------|
| 1.                                 | Máy điện xung trung tần Đông Á           | 02       |         |
| 2.                                 | Máy điện từ trường cao áp                | 01       |         |
| 3.                                 | Máy siêu âm điều trị Trung tần           | 01       |         |
| 4.                                 | Máy laser 10 đầu châm                    | 01       |         |
| 5.                                 | Máy siêu âm điều trị HS-501              | 01       |         |
| 6.                                 | Hệ thống kéo giãn BTL -16 Plus           | 01       |         |
| 7.                                 | Máy laser nội mạch phát hai đầu MINI-630 | 01       |         |
| 8.                                 | Máy kéo dẫn cột sống STC-200N SHNJINM    | 01       |         |
| 9.                                 | Máy siêu âm điều trị đa tần Pulson 100   | 02       |         |
| 10.                                | Máy Laser Điều trị nội mạch Mini-630/S   | 01       |         |
| 11.                                | Máy Laser điều trị nội mạch              | 01       |         |
| <b>Tổng cộng: 11 loại thiết bị</b> |                                          |          |         |